

Biểu mẫu 09

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BÌNH TÂN

Số: 294/THCS BT

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, đầu năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu học	Kết quả học tập cả năm lớp 6 được xếp loại từ Đạt trở lên	Xếp loại học lực cả năm lớp 7 từ Trung bình trở lên	Xếp loại học lực cả năm lớp 8 từ Trung bình trở lên
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 16/12/2018	Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 16/12/2018	Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 16/12/2018	Thực hiện theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BGDĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp tốt giữa nhà trường và gia đình	Phối hợp tốt giữa nhà trường và gia đình	Phối hợp tốt giữa nhà trường và gia đình	Phối hợp tốt giữa nhà trường và gia đình
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Kỹ năng sống, Văn thể mỹ	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Kỹ năng sống, Văn thể mỹ	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Kỹ năng sống, Văn thể mỹ	Hoạt động GDNGLL, Kỹ năng sống, Văn thể mỹ, Giáo dục hướng nghiệp
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Từ Đạt trở lên	Từ Đạt trở lên	Từ Đạt trở lên	Từ Trung bình trở lên
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Hoàn thành chương trình Tiểu học	Kết quả học tập cả năm lớp 6 được xếp loại từ Đạt trở lên	Kết quả học tập cả năm lớp 7 được xếp loại từ Đạt trở lên	Học lực xếp loại Trung bình trở lên

Bình Tân, ngày 21 tháng 9 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Văn Gia Em

Biểu mẫu 10

**UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BÌNH TÂN**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, đầu năm học 2023-2024**

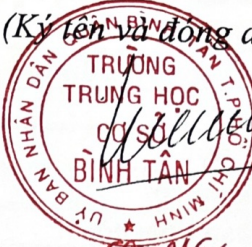
STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1393		509	371	513
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1268		94.11 %	90.30 %	88.50 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	114		5.89%	9.16%	9.75%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	11		0.0%	0.54%	1.75%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)			0.0%	0.0%	0.0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1393		509	371	513
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	596		49.71 %	37.20 %	39.96 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	531		35.56 %	39.62 %	39.57 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	248		14.53 %	18.87 %	20.47 %
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	17		0.20%	4.04%	0.0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1		0.0%	0.27%	0.0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0				
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0				
4	Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	0				
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	20	0.86%	0.78%	1.33%	0.97%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0				
2	Cấp tỉnh/thành phố	0				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0				

	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1104/ 979	370/ 320	269/ 240	191/ 180	274/ 239
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	132	46	37	19	30

Bình Tân, ngày 21. tháng 9. năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Văn Gia Em

Biểu mẫu 11

**UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BÌNH TÂN**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, đầu năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	51	1,91
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	7	0,2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0,4
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42.51	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8082	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	569,30	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	72	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	72	
3	Diện tích thư viện (m ²)	112	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	460	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	56	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24	
1.1	Khối lớp 6	0	0
1.2	Khối lớp 7	0	0
1.3	Khối lớp 8	0	0.0
1.4	Khối lớp 9	12	1.0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	16	
2.2	Khối lớp 7	12	
2.3	Khối lớp 8	9	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/	0	-

	thiết bị)		
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	45	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	37	0.76
2	Cát xét	9	0.2
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	0.1
5	Thiết bị khác...	0	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	37	0.76
2	Cát xét	9	0.2
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	0.1
5	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

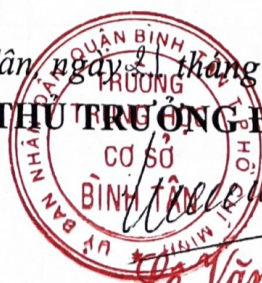
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14		16		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Tân, ngày 21 tháng 9 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Văn Gia Em

**UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
BÌNH TÂN**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, đầu năm học 2023-2024**

[illegible]

7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

Bình Tân, ngày 21 tháng 9 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Gia Em